

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2025

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Trang**

Bà **Bùi Thị Là**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** - Thư ký Tòa án huyện Đam Rông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Yên** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Thị T (Trịnh Thị B)**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì:**

Bà và ông T1 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ' Rông, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01 tháng 01 năm 2002. Sau khi kết hôn ông bà sinh sống và làm việc tại thôn T, xã Đ' R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Thời gian đầu đời sống hôn nhân diễn ra bình thường nhưng sau đó thì diễn ra không hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất hòa, cãi vã đánh đập nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do vợ chồng có quá nhiều sự khác

biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống không hòa hợp nên đời sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay ông bà đã không còn chung sống với nhau gần 14 năm. Vì thế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà làm đơn yêu cầu Tòa án huyện Đam Rông giải quyết ly hôn giữa bà với ông T1.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là cháu Huỳnh Thị Kiều V, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2006 và cháu Huỳnh Đức H sinh ngày 29 tháng 4 năm 2006. Hiện tại các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và không có quan điểm về yêu cầu của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án.*

Vụ án đã được Tòa án tổ chức hòa giải nhưng không hòa giải được do bà T có đơn yêu cầu không tổ chức phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án và đường lối xử lý vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa thì thấy rằng hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp, quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến không còn chung sống với nhau nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng bà T và ông T1 không còn khả năng hàn gắn lại được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung, ông bà có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Kiều V1, sinh ngày 23/4/2004 và cháu Huỳnh Đức H sinh ngày 29/4/2006. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn bà Trịnh Thị T (Trịnh Thị B) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Khoản 2

Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng đến mức không thể hòa giải, hiện nay bà T và ông T1 đã không còn chung sống với nhau nữa. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và ông T1 có địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông T1 đã tự nguyện tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2002 nên xác định hôn nhân của ông T1 và bà T là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của ông bà không mang lại hạnh phúc như mong muốn, thường xuyên bất hòa, cãi vã, ông T1 nhiều lần đánh đập bà T, do không cùng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, khi mâu thuẫn đã cao đến đỉnh điểm, không còn khả năng hòa giải nên ông bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T1.

Về phía bị đơn ông T1, trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 không có mặt theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng ông T1 chưa chấp hành pháp luật tốt. Đồng thời căn cứ theo kết quả xác minh quan hệ hôn nhân của ông bà tại địa phương thì thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Kiều V1, sinh ngày 23/4/2004 và cháu Huỳnh Đức H sinh ngày 29/4/2006. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu do đó HĐXX không xem xét đến.

[6] Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị T (Trịnh Thị B) và ông Huỳnh Văn T1 được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị T (Trịnh Thị B) phải nộp 300.000 đồng án phí

Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào toàn bộ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006283 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Bà T đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng